

Tăng trưởng xanh - bài học kinh nghiệm và thách thức trong bối cảnh chuyển đổi mô hình kinh tế tại Việt Nam

📍 PGS. TS NGUYỄN TIẾN DŨNG, TS. NGUYỄN ANH TUẤN

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM

● NGÀY NHẬN BÀI: 25/7/2023 ● NGÀY PHẢN BIỆN: 26/7/2023

● NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 02/10/2023

Tóm tắt: Tăng trưởng xanh đã và đang triển khai tại nhiều quốc gia trên thế giới và đạt được nhiều thành tựu nhất định. Nghiên cứu này trước hết nhằm tổng hợp 1 số bài học kinh nghiệm về tăng trưởng xanh của một số quốc gia trên thế giới. Đối chiếu lại thực trạng tại định hướng tăng trưởng xanh của Việt Nam, nghiên cứu chỉ ra một số thách thức trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng của chúng ta. Cả 3 trọng tâm trong định hướng tăng trưởng xanh của Việt Nam: (1) giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo; (2) xanh hóa trong sản xuất và (3) xanh hóa trong lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững đều phải đối diện với nhiều thách thức. Trên cơ sở bài học kinh nghiệm và thách thức đang phải đối diện trong quá trình thực hiện tăng trưởng xanh, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp thúc đẩy tăng trưởng xanh tại Việt Nam trong đó nhấn mạnh vai trò chủ đạo của Chính phủ cũng như việc nâng cao ý thức của người dân, cộng đồng doanh nghiệp.

Từ khóa: *Tăng trưởng xanh, Việt Nam, thách thức; ý thức; người dân; doanh nghiệp.*

1. GIỚI THIỆU

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng là vấn đề quan trọng đối với các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển. Bởi mô hình hiện tại thiếu sự phát triển bền vững và tác động tiêu cực tới môi trường (Carson, 1962; OECD, 2011d). Để cụ thể hóa, các quốc gia thường ban hành chiến lược tăng trưởng xanh theo từng giai đoạn như ở Hàn Quốc, Malaysia ... nhằm hướng tới

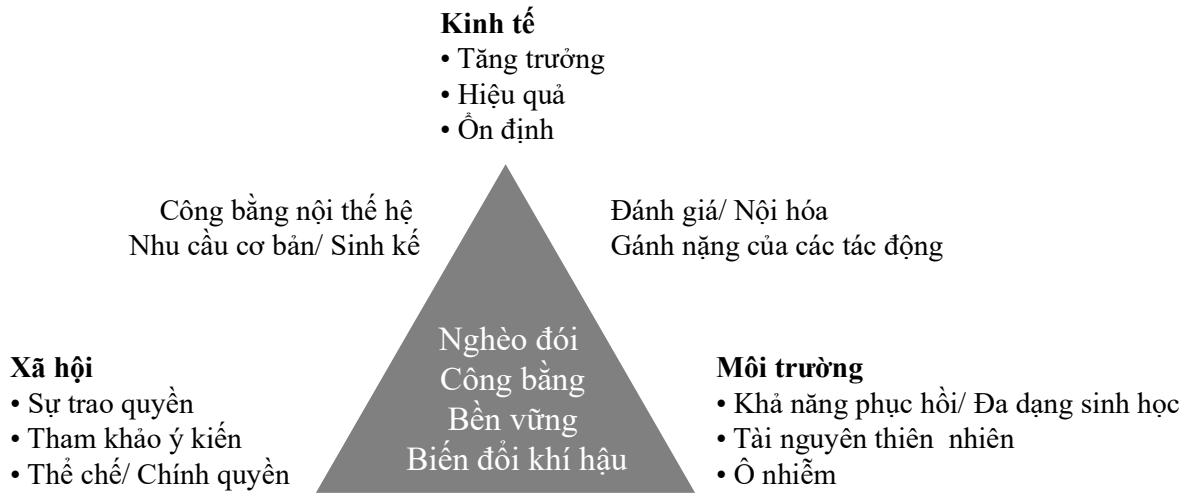
một nền kinh tế có hiệu quả cao, nhưng lại ít gây tác động tiêu cực tới môi trường. Tại Việt Nam, quá trình tăng trưởng kinh tế đã đạt được nhiều thành công đáng ghi nhận, tuy nhiên cũng xuất hiện nhiều bất cập, mà điển hình là mô hình hiện tại đang chú trọng tới tăng trưởng theo hướng gia tăng các nguồn lực, tận dụng (hay nói cách khác là khai thác tối đa) nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ sản xuất dẫn đến những

hậu quả nghiêm trọng về môi trường, biến đổi khí hậu. Chúng ta đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức trong quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế: bên cạnh những vấn đề về sử dụng không hiệu quả nguồn lực, đó là việc gây sức ép lớn lên môi trường, cụ thể: (1) chủ yếu dựa vào gia tăng vốn đầu tư, nhưng hiệu quả sử dụng vốn lại thấp; (2) gây tiêu hao nhiều năng lượng và gia tăng nhanh lượng phát thải gây ô nhiễm môi trường; (3) chất lượng lao động không tăng mà còn có xu hướng tụt hậu so với các quốc gia khác; (4) năng lực cạnh tranh của chúng ta mặc dù có ổn định và cải thiện nhưng còn thấp và cách xa so với các nước trong khu vực; (5) trình độ khoa học, công nghệ của Việt Nam còn ở mức thấp; (6) quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế chứa đựng yếu tố không bền vững, tham gia vào các diễn đàn thế giới, theo xu hướng của thời đại và nhận thức được tầm quan trọng của tăng trưởng xanh, Việt Nam đã chính thức ban hành Chiến lược tăng trưởng xanh vào tháng chín năm 2012. Những nỗ lực của Chính phủ trong việc định hướng nền kinh tế theo tăng trưởng xanh là đáng ghi nhận thể hiện qua hàng loạt các Luật, quy định, chiến lược, văn bản hướng dẫn liên quan đến chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh. Trong diễn đàn COP 26 (Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu), Thủ tướng Phạm Minh Chính đã cam kết để đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Đây rõ ràng thể hiện quyết tâm rất lớn nhằm định hướng phát triển một Việt Nam giàu đẹp, nhưng bền vững, tăng trưởng phục vụ cho con người. Tuy nhiên, để thực hiện

được mục tiêu này cần có sự nhận định, đối chiếu với những trọng tâm trong chiến lược tăng trưởng xanh mà chúng ta đã xây dựng. Cùng với đó kết hợp với những bài học kinh nghiệm từ quá trình tăng trưởng xanh của các quốc gia khác để có thể xây dựng các chính sách phát triển đối với Việt Nam trong bối cảnh mới. Đây chính là lý do thực hiện nghiên cứu này. Kết cấu của nghiên cứu ngoài phần tóm tắt, kết luận còn bao gồm các nội dung: (1) cơ sở lý thuyết về tăng trưởng xanh; (2) bài học kinh nghiệm về triển khai tăng trưởng xanh của một số quốc gia; (3) thách thức và giải pháp triển khai tăng trưởng xanh tại Việt Nam

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH

Sự phát triển nhanh về kinh tế đã dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng về mặt xã hội cũng như môi trường. Nhận thức được vấn đề này, có nhiều nhà kinh tế lên tiếng cảnh báo trước về tình trạng tăng trưởng nhanh tác động đến môi trường, cũng như cuộc sống của con người. Từ đó, nhiều khái niệm mới được ra đời, nhằm nhấn mạnh đến sự quan trọng của nguồn lực môi trường đóng góp trong sự tăng trưởng. Khái niệm phổ biến đã và đang được các nhà kinh tế thống nhất đó là phát triển bền vững trong đó nhấn mạnh đến khả năng chịu đựng và sự phát triển lâu dài của nền kinh tế. Trong báo cáo Brundtland (WECD, 1987), khái niệm phát triển bền vững được hiểu là phát triển đáp ứng nhu cầu ở hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Sự phát triển bền vững của nền kinh tế dựa trên 3 trụ cột chính: kinh tế, môi trường và xã hội, thể hiện qua sơ đồ sau:



Hình 1: Ba trụ cột của phát triển bền vững

Nguồn: Munasinghe (2009)

Tuy nhiên hướng tiếp cận theo phát triển bền vững là rất rộng và không phải ngay trực tiếp có thể đạt được. Do vậy để định hướng nền kinh tế theo phát triển bền vững cần có bước chuyển tiếp, mà trong đó tăng trưởng xanh đã được xem như một bước chuyển tiếp quan trọng để đạt được phát triển bền vững mà các nền kinh tế phải qua giai đoạn này.

Theo World Bank (2012), tăng trưởng xanh là mô hình tăng trưởng hiệu quả, sạch và có tính đàn hồi – hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, sạch trong việc giảm thiểu tác động gây ô nhiễm môi trường và có tính đàn hồi, chống chịu được trước các thiên tai, thảm họa thiên nhiên. Theo OECD (2011c), tăng trưởng xanh là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế với sự đảm bảo rằng các nguồn lực tự nhiên sẽ tiếp tục đủ khả năng đáp ứng nhu cầu tài nguyên và môi trường sống cho con người trong tương lai. Để thực hiện được điều này, tăng trưởng xanh có nội hàm thúc đẩy sự đổi mới, đầu tư và

cuộc cạnh tranh nhằm mang lại những cơ hội kinh tế mới và sự tăng trưởng hướng tới “xanh hóa” và ổn định nền kinh tế.

Tại Việt Nam, khái niệm tăng trưởng xanh đã được cụ thể hóa và đưa vào chiến lược tăng trưởng xanh của Chính phủ cụ thể như sau: “*Tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển bền vững, giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế*” (Chính phủ, 2012).

Có nhiều cách định nghĩa khác nhau tuy nhiên nội hàm đều bao hàm 3 nội dung chính sau đây (Nguyễn Quang Thuấn & ctg, 2012): (1) Xây dựng một nền kinh tế xanh thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng nguồn lực tự nhiên một cách có hiệu quả nhằm giảm thiểu biến đổi khí hậu; (2) Đây là một nền kinh tế tăng trưởng theo chiều sâu, hao tốn ít nguyên liệu, tăng cường các ngành công nghiệp sinh thái, đổi mới công nghệ;

(3) Kinh tế xanh là nền kinh tế tăng trưởng bền vững, xóa đói giảm nghèo và phát triển công bằng.

So với phát triển bền vững với ba trụ cột chính: kinh tế, xã hội và môi trường thì nội hàm của tăng trưởng xanh hẹp hơn, về cơ bản gồm hai trụ cột chính: kinh tế và môi trường. Trong đó, tăng trưởng xanh chú trọng đến việc khai thác có hiệu quả các nguồn lực kết hợp với đổi mới công nghệ nhằm giảm thiểu tác động của tăng trưởng tới môi trường sinh thái. Tuy nhiên nội hàm của nó không chỉ bao hàm vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế mà ở nghĩa rộng hơn còn đề cập đến cả sự cân bằng trong phát triển và hài hòa giữa các mục tiêu: nâng cao đời sống con người, cải thiện công bằng xã hội, là cơ sở cho sự tăng trưởng bền vững, tạo ra các cơ hội kinh tế mới.

Theo tác giả, mặc dù có nhiều cách hiểu, quan điểm khác nhau, nhưng về bản chất, tăng trưởng xanh bao hàm các nội dung sau:

- Tăng trưởng xanh là một phần của phát triển bền vững, là quá trình chuyển tiếp nhằm hướng đến phát triển, hiệu quả, bền vững.

- Tăng trưởng xanh phải do con người, vì con người. Ngoài ra nó còn phải góp phần tạo ra những việc làm mới, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

- Tăng trưởng xanh dựa trên sự tăng cường bảo tồn, phát triển và sử dụng hiệu quả các nguồn tự nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện, nâng cao chất

lượng môi trường, qua đó kích thích tăng trưởng kinh tế.

- Tăng trưởng xanh cần phải xác định là nhiệm vụ của toàn bộ các đối tượng của nền kinh tế. Từ sản xuất xanh cho tới tiêu dùng bền vững cần được coi là nhiệm vụ của tất cả mọi người.

3. KINH NGHIỆM THúc ĐẨY TĂNG TRƯỞNG XANH Ở MỘT SỐ QUỐC GIA

3.1. Malaysia

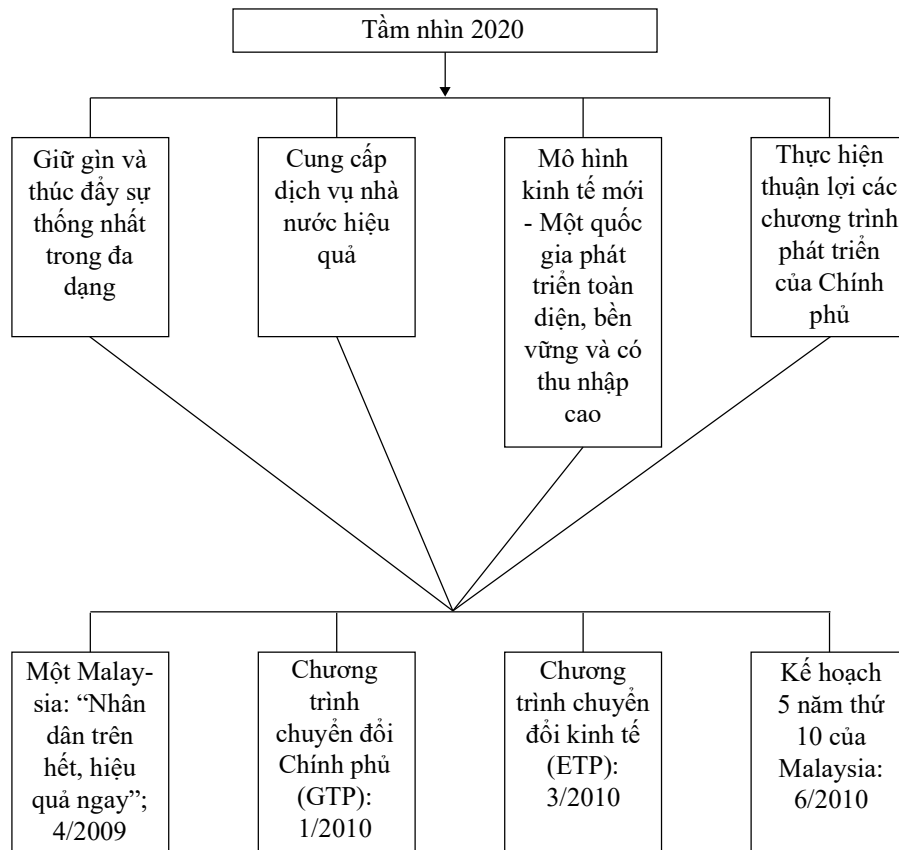
Malaysia cũng có giai đoạn phát triển nhanh vào những năm 70 của thế kỷ 20. Chính vì sự phát triển nhanh này, họ cũng phải đối mặt những vấn đề về môi trường tự nhiên và xã hội. Mặc dù được đánh giá là một trong những nền kinh tế phát triển bền vững hàng đầu thế giới, tuy nhiên Malaysia cũng vẫn phải đối mặt với những khó khăn tương tự. Chỉ có khác một điều, đó là Chính phủ nước này đã có những chủ trương, chính sách từ rất sớm nhằm đối phó lại biến đổi khí hậu và định hướng tăng trưởng theo hướng bền vững. Nền tảng của các chính sách đó được dựa cơ bản vào Chính sách Công nghệ xanh quốc gia, Chính sách quốc gia về biến đổi khí hậu (2009) và Luật chất lượng môi trường (1974).

Sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu, Chính phủ Malaysia đã có những chính sách cụ thể nhằm chuyển đổi mô hình kinh tế theo hướng bền vững hơn, trong đó những mục tiêu về tăng trưởng xanh được lồng ghép và thể hiện cụ thể ở nhiều nội dung, đặc biệt là trong chính sách kinh tế mới. Sơ đồ cụ thể của chuyển đổi mô hình tăng trưởng tại Malaysia hình 2.

Chương trình chuyển đổi kinh tế (ETP) và Mô hình kinh tế mới đã được thực thi

và mang lại nhiều hiệu quả cho nền kinh tế. Trong khi chương trình chuyển đổi mô hình kinh tế được đưa ra vào tháng 10/2010 với mục tiêu đưa Malaysia trở thành nước có thu nhập cao vào năm 2020, một số chỉ tiêu cụ thể: GNI đạt mức tăng trưởng trung bình 6%/ năm, GDP bình quân đầu người tăng từ 6.700 USD lên 15.000 USD. Cơ cấu nền kinh tế chuyển đổi theo hướng bền

vững: 65% dịch vụ; tiêu dùng nội địa sẽ là động lực quan trọng cho tăng trưởng, tăng từ 54% (năm 2010) lên 59% vào năm 2020. Chương trình này cũng nhấn mạnh đến vai trò của khu vực kinh tế tư nhân, và dự kiến khu vực này sẽ chiếm 92% trong tổng số 12 lĩnh vực trọng điểm trong giai đoạn 2010-2020.



Hình 2: Mô hình chuyển đổi tăng trưởng xanh tại Malaysia

Nguồn: New Economic Model for Malaysia Part 1 “National Economic Advisory Council, Malaysia”, 3/2010, page 3 (trích từ Nguyễn Huy Hoàng (2015), Chính sách tăng trưởng xanh ở một số nước Asean trong bối cảnh tái cấu trúc nền kinh tế và ứng phó với biến đổi khí hậu; NXB Khoa học xã hội, trang 101)

Vấn đề lao động và việc làm, chương trình này hi vọng tạo ra 3,3 triệu việc làm, trong đó có 60% việc làm có thu nhập trung bình hoặc cao, tỷ lệ việc làm có thu nhập thấp giảm từ 57% xuống còn 40%

vào năm 2020. 12 lĩnh vực kinh tế chủ chốt bao gồm: (1) dầu, khí và năng lượng; (2) dầu cạo; (3) dịch vụ tài chính; (4) du lịch; (5) dịch vụ kinh doanh; (6) điện và điện tử; (7) bán buôn và bán lẻ; (8) giáo dục; (9) y

tế; (10) thông tin truyền thông; (11) nông nghiệp và (12) siêu đô thị Kuala Lumpur/Thung lũng Klang. Để đạt mục tiêu phát triển các lĩnh vực kinh tế chủ chốt này, Malaysia đã đưa ra những định hướng, giải pháp để phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng, tạo các ưu đãi thiết yếu cho các ngành kinh tế hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, lĩnh vực tạo ra giá trị gia tăng cao hơn, sử dụng ít tài nguyên và có ít tác hại đến môi trường.

Trong khi đó mô hình kinh tế mới (NEM) được đề xuất vào 9/2009 nhằm vào mục tiêu chính đó là cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và 3 nội dung chính được thể hiện: (1) thu nhập cao; (2) bền vững; (3) toàn diện. Rõ ràng, chiến lược, mục tiêu phát triển của Chính phủ đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, họ đã hướng mục tiêu tăng trưởng

gắn liền với mục tiêu bền vững, lấy con người làm trung tâm, theo từng bước: tăng thu nhập, bền vững và toàn diện. Để có được sự tăng trưởng cao và bền vững, cần phải xuất phát từ năng suất lao động cao, khai thác các kỹ năng và đổi mới sáng tạo, cải thiện hợp tác giữa các tầng lớp, xây dựng thương hiệu uy tín và tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Và quan trọng hơn, sự phát triển này cần được sự đồng thuận của các đối tượng trong nền kinh tế, xuất phát từ việc cần phải chú trọng tới vấn đề tăng trưởng xanh, tức là tạo ra một năng suất lớn hơn, nhưng lại ít gây ảnh hưởng tới môi trường. Họ đã chuyển dần từ những việc chuyển từ các ngành công nghiệp khai thác và công nghiệp chế tạo sang các ngành công nghiệp có giá trị cao.

Nhận thức về tăng trưởng của Chính phủ đã có sự chuyển biến rất rõ rệt thông qua bảng so sánh về 2 cách tiếp cận sau đây:

Bảng 1: Cách tiếp cận đối với sự phát triển kinh tế: Mô hình cũ so với NEM

Cách tiếp cận cũ	Cách tiếp cận mới
Tăng trưởng chủ yếu thông qua tích lũy vốn: tập trung vào sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng với vốn và lao động thấp, tạo ra hàng xuất khẩu có giá trị gia tăng thấp	Tăng trưởng thông qua năng suất/ hiệu quả. Tập trung vào đổi mới và công nghệ cao, được hỗ trợ mạnh mẽ từ đầu tư tư nhân nhằm tạo ra hàng hóa và dịch vụ có giá trị gia tăng cao
Nhà nước đóng vai trò chủ yếu. Đầu tư công trực tiếp lớn trong các lĩnh vực kinh tế được lựa chọn	Tăng trưởng được dẫn dắt bởi khu vực kinh tế tư nhân. Thúc đẩy cạnh tranh song song và trong các lĩnh vực nhằm vực dậy đầu tư tư nhân và động lực thị trường
Kế hoạch chiến lược tập trung hóa. Các quyết định kinh tế chịu sự chỉ đạo và chấp thuận của chính quyền liên bang	Nâng cao quyền quyết định của các địa phương. Chính quyền bang và chính quyền địa phương đưa ra và ủng hộ các sáng kiến tăng trưởng, khuyến khích cạnh tranh giữa các địa phương.

Cách tiếp cận cũ	Cách tiếp cận mới
Tăng trưởng cân bằng theo khu vực. Phân bổ các hoạt động kinh tế cho tất cả các bang phân bổ lợi ích từ phát triển cho tất cả các bang	Các hoạt động kinh tế được tổ chức theo cụm hoặc hành lang. Tập trung các hoạt động kinh tế vì sự cân bằng kinh tế và cung ứng các dịch vụ phụ trợ tốt hơn
Ưu đãi các hãng và ngành công nghiệp đặc biệt (riêng). Tạo ra những ưu đãi và trợ giúp tài chính cho các đối tượng được lựa chọn	Ưu đãi các hãng và ngành công nghiệp có năng lực công nghệ. Tạo sự ưu đãi cho đổi mới công nghệ nhằm tạo ra hàng hóa và dịch vụ có giá trị gia tăng cao
Xuất khẩu vào ba thị trường chủ yếu (Mỹ, Eu và Nhật Bản). Một phần của chuỗi sản xuất và tiêu dùng cho thị trường truyền thống.	Hướng đến thị trường Châu Á và Trung Đông. Tích cực phát triển và hội nhập vào nền sản xuất và mạng lưới tài chính khu vực nhằm thúc đẩy luồng đầu tư, thương mại và sáng kiến
Hạn chế lao động nước ngoài có tay nghề cao vì lo ngại lao động giỏi nước ngoài sẽ thay thế lao động trong nước	Thu hút các chuyên gia có trình độ cao cả trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy một nền kinh sáng tạo và có giá trị gia tăng cao.

Nguồn: Nguyễn Huy Hoàng (2015), Chính sách tăng trưởng xanh ở một số nước Asean trong bối cảnh tái cấu trúc nền kinh tế và ứng phó với biến đổi khí hậu; NXB Khoa học xã hội, trang 108-110.

3.2. Hàn Quốc

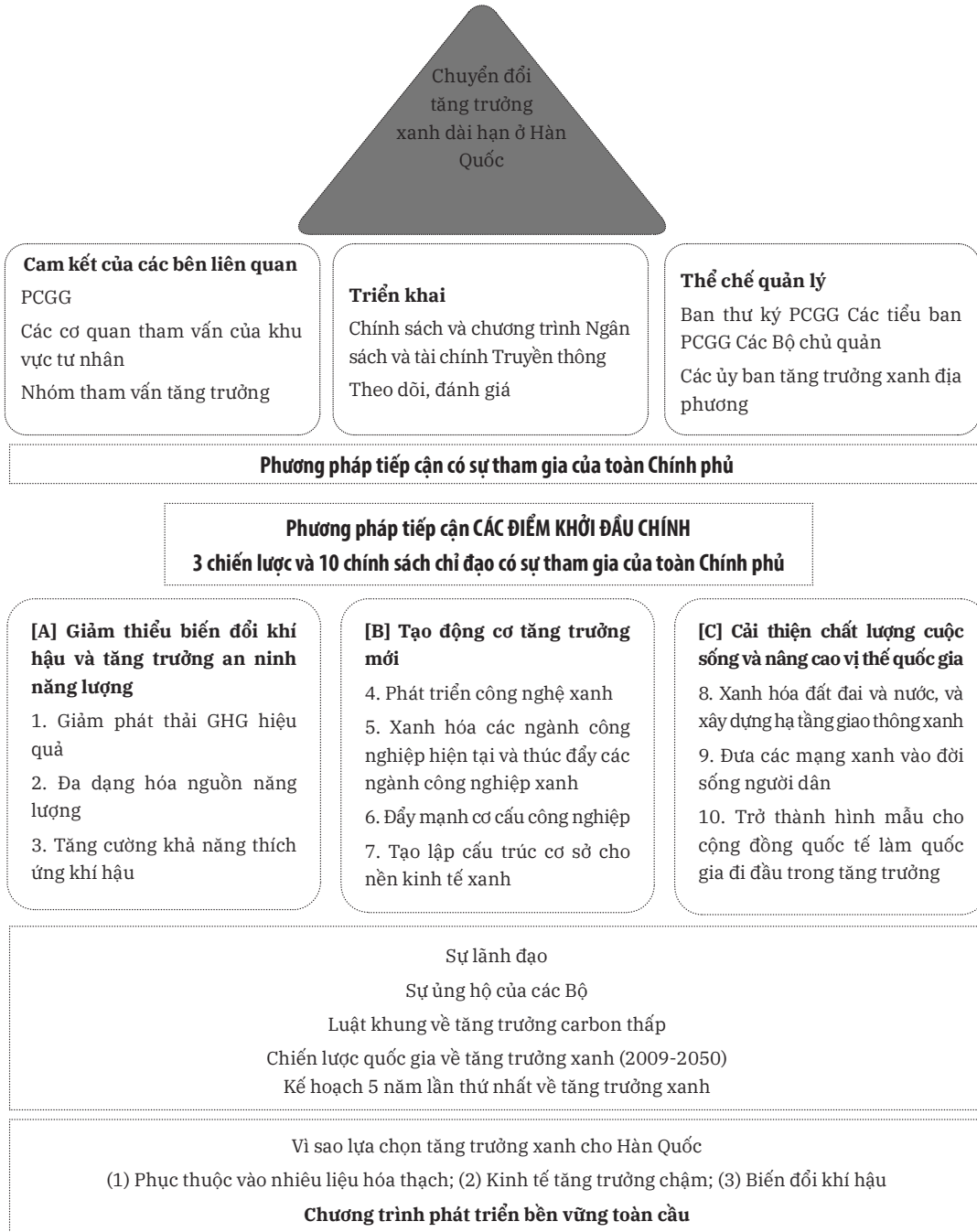
Nói đến tăng trưởng xanh, không thể không nhắc đến Hàn Quốc, một quốc gia phát triển, với chiến lược phát triển rất khác biệt không chỉ dựa trên các yếu tố thâm dụng về tài nguyên và lao động. Trong những năm 70, thế kỷ 20, mặc dù xuất phát điểm thấp, thu nhập bình quân đầu người chỉ khoảng 100 USD, nhưng với sự phát triển đúng về đường lối dựa trên sự thành công về xây dựng thể chế hoạt động của Chính phủ kết hợp với bộ máy hành chính công trong sạch, nên Hàn Quốc đã đạt được nhiều thành công trong quá trình phát triển. Tuy nhiên, không chỉ đạt được những thành công mà nền kinh tế Hàn Quốc cũng phải đối mặt với những sự đánh đổi về tài nguyên và môi trường trong giai đoạn chuyển đổi. Cụ thể trong GGGI (2015), đã chỉ rõ, 3 thách thức

mà nền kinh tế Hàn Quốc phải đối mặt đó là: (1) phụ thuộc và nhiên liệu hóa thạch; (2) kinh tế tăng trưởng chậm và (3) biến đổi khí hậu và trong bối cảnh kết hợp với chương trình phát triển bền vững toàn cầu, các chương trình nghị sự với sự tham gia của nhiều quốc gia trên thế giới nhằm mục tiêu chung giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình tăng trưởng. Chính vì những lý do này, Hàn Quốc đã là một trong những quốc gia đi đầu trong việc xây dựng một khung chính sách thống nhất với sự tham gia của các bên liên quan nhằm đẩy mạnh mô hình tăng trưởng xanh tại đất nước. Cụ thể mô hình tăng trưởng xanh được xây dựng dựa trên hình 3.

Thông qua sơ đồ, ta có thể thấy từng bước về chiến lược sạch của Hàn Quốc. Đặc trưng của Hàn Quốc đó là sự quản lý tập trung cao độ và sự chỉ đạo mạnh mẽ

từ trên xuống dưới, trên cơ sở đó tăng trưởng xanh trở thành ưu tiên quốc gia. Đó là sự kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu, sự phối hợp giữa các ban ngành, địa phương và của Chính phủ. Trong đó, cần phải kể

đến việc thành lập tổ chức: PCCG (Ủy ban tổng thống về tăng trưởng xanh), tư vấn cho Chính phủ và chỉ đạo trực tiếp những vấn đề liên quan đến tăng trưởng xanh và sự kết hợp chặt chẽ của các bên liên quan



Hình 3: Nền tảng vững chắc của chính sách tăng trưởng xanh của Hàn Quốc

Nguồn: Viện tăng trưởng toàn cầu (2015), Kinh nghiệm tăng trưởng xanh của Hàn Quốc: Quá trình, Kết quả và Bài học rút ra, Viện tăng trưởng toàn cầu, trang 2.

từ tư nhân đến doanh nghiệp. Cũng chính từ sự 3 chiến lược chủ đạo, bao gồm: (1) Giảm thiểu biến đổi khí hậu và tăng cường an ninh năng lượng; (2) tạo động cơ tăng trưởng mới; (3) cải thiện chất lượng cuộc sống và nâng cao vị thế quốc tế. đã tập trung rất nhiều nguồn lực, trong đó chủ chốt là các doanh nghiệp trong việc thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh của đất nước. Bên cạnh việc nâng cao ý thức của người dân được thể hiện rất rõ qua chiến

lược C về cải thiện chất lượng cuộc sống và nâng cao vị thế quốc gia, chiến lược A, B với sự đầu tư rất lớn về công nghệ, nguồn năng lượng mới đã tạo ra một nền tảng vững chắc để các ngành công nghiệp tại Hàn Quốc phát triển và đi đầu về hàm lượng chất xám.

Sự thay đổi nhận thức về tăng trưởng đã góp phần thành công lớn về chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thể hiện cụ thể qua bảng sau đây:

Bảng 2: So sánh giữa tăng trưởng nâu và tăng trưởng xanh

Tăng trưởng nâu	Tăng trưởng xanh
Số lượng (chú trọng và GDP/ trọng tâm vào kinh tế)	Chất lượng (toàn diện – Kinh tế, môi trường, xã hội)
Sử dụng nhiều tài nguyên	Sử dụng tài nguyên hiệu quả (đầu vào ít = đầu ra nhiều)
Sự dụng nhiều yếu tố sản xuất (lao động, vốn, tài sản tự nhiên)	Công nghệ đổi mới (gia tăng giá trị)
Phụ thuộc vào năng lượng (nhiên liệu hóa thạch)	Tự chủ năng lượng (năng lượng tái tạo)
Dễ bị ảnh hưởng bởi khí hậu (rủi ro cao, khả năng thích ứng thấp)	Thích ứng với biến đổi khí hậu (rủi ro cao, khả năng thích ứng cao)
Tăng trưởng không bền vững	Phát triển bền vững

Nguồn: Viện tăng trưởng toàn cầu (2015), Kinh nghiệm tăng trưởng xanh của Hàn Quốc: Quá trình, kết quả và bài học rút ra, Viện Tăng trưởng toàn cầu, trang 9.

4. THÁCH THỨC VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI VIỆT NAM

4.1. Những thách thức trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng xanh tại Việt Nam

Hướng đến phát triển bền vững, và cụ thể là từng bước thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh thể hiện quyết tâm chính trị rất cao của Việt Nam. Cùng với đó, những phát biểu mạnh mẽ của Thủ tướng Phạm

Minh Chính tại Cop26, khi ông khẳng định, mặc dù là nước có lợi thế về năng lượng tái tạo, Việt Nam sẽ xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính mạnh mẽ bằng nguồn lực của mình, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, nhất là các nước phát triển cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris để đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050⁷. Mục tiêu này không phải đơn giản, khi trước mắt chúng ta còn phải đối diện

với nhiều thách thức. Trong chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam, với 3 trụ cột chính: (1) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng, năng lượng tái tạo; (2) Xanh hoá trong sản xuất; (3) Xanh hoá lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Tuy nhiên trong mỗi mục tiêu này, cũng đều thể hiện những hạn chế và thách thức mà chúng ta phải đối diện.

Thứ nhất, mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo đã được chúng ta

cố gắng thực hiện bằng nhiều chính sách khác nhau. Điển hình là hình thành các nguồn năng lượng tái tạo từ năng lượng mặt trời, gió, rác thải ... Theo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), 6 tháng đầu năm 2021, sản lượng năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) huy động đạt 14,69 tỷ kWh, chiếm tỷ trọng 11,4%⁸. Đây có thể nói là kết quả đáng khích lệ, tuy nhiên, nhìn tổng thể mục tiêu này của chúng ta vẫn còn nhiều hạn chế:

Bảng 3: Một số chỉ tiêu về sử dụng năng lượng và khí phát thải tại Việt Nam

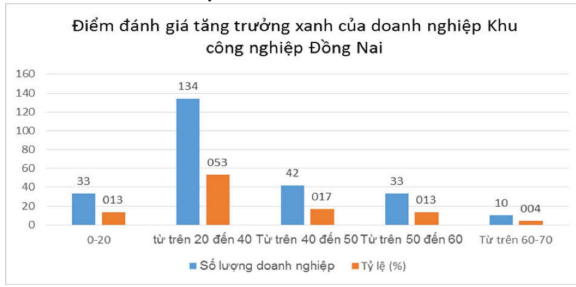
Năm	Tăng trưởng GDP(% hàng năm)	Lượng khí thải CO ₂ (mét tấn trên đầu người)	Sử dụng năng lượng (kg dầu tương đương tính theo đầu người)	Tiêu dùng điện (kWh trên đầu người)	Tiêu thụ năng lượng nhiên liệu hóa thạch (% của tổng năng lượng sử dụng)	Năng lượng thay thế và hạt nhân (% của tổng năng lượng sử dụng)
2010	6,42	1,70	669,70	1.022,43	70.33	4.03
2011	6,24	1,68	662,56	1.102,81	68.50	5.99
2012	5,25	1,64	667,32	1.206,31	66.98	7.59
2013	5,42	1,69	660,34	1.276,86	69.82	7.47
2014	5,98	1,84		1.423,70		
2015	6,68	2,26				
2016	6,21	2,39				
2017	6,81	2,35				
2018	7,08	2,70				
2019	7,02					
2020	2,91					

Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu của Word Bank 2021

Theo dữ liệu này, rõ ràng cùng với tốc độ tăng trưởng GDP là sự gia tăng lên về các chỉ tiêu liên quan đến phát thải khí nhà kính cũng như tổng năng lượng tiêu thụ. Nghiên cứu của Phạm Hồng Mạnh &

ctg đã khẳng định thêm mối liên hệ này. Cùng với đó là sự gia tăng của tiêu thụ năng lượng và tiêu dùng điện của người dân. Trong khi đó tỷ lệ thay thế các nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo

diễn ra khá chậm.



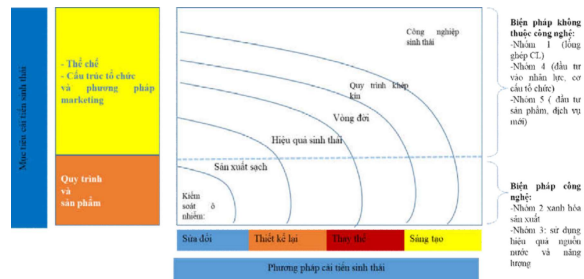
Hình 3: Điểm đánh giá triển khai các hoạt động TTX của doanh nghiệp tại KCN tỉnh Đồng Nai

Nguồn: Nguyễn Anh Tuấn (2021)

Thứ hai, vấn đề về xanh hóa sản xuất cần được chú trọng và triển khai tại các doanh nghiệp, nhằm thay đổi hành vi sản xuất, hướng tới sản xuất ra các sản phẩm xanh hơn, trong quy trình giảm thiểu sự tác động tiêu cực đến môi trường. Tăng trưởng xanh của doanh nghiệp thường được tiếp cận dưới góc độ sản xuất bền vững hay cải tiến sinh thái. Sản xuất bền vững (sustainable manufacture), hàm ý việc tạo ra các hàng hóa và dịch vụ sử dụng quy trình và hệ thống không gây ô nhiễm, bảo tồn năng lượng và các nguồn lực tự nhiên, khả thi về mặt kinh tế, an toàn và khỏe mạnh cho công nhân, cộng đồng và người tiêu dùng, xã hội và bổ ích cho mọi người lao động⁹, trong khi đó, cải tiến sinh thái (eco innovation) là sự thực thi những cái mới hoặc cải thiện: sản phẩm (bao gồm cả hàng hóa và dịch vụ), quy trình sản xuất, phương thức marketing, cấu trúc của tổ chức và sắp xếp thể chế có chủ đích hoặc không chủ đích nhằm hướng đến cải thiện môi trường so với những lựa chọn khác¹⁰. Cách kết hợp giữa 2 nội hàm này, hàm ý tăng trưởng xanh từ góc độ doanh nghiệp cần được phân tích từ quy trình (đầu vào,

sản xuất, đầu ra, tiêu dùng, rác thải), cho đến áp dụng các tiến bộ công nghệ nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường. Mặc dù, các chương trình xanh hóa sản xuất được triển khai khá nhiều ở các địa phương, tuy nhiên có thể nói mức độ triển khai còn khá hạn chế, và chỉ dừng ở các cải tiến nhỏ, lẻ, ít các tác động tới tầm thể chế.

Như kết quả khảo sát, mặc dù tập trung mật độ doanh nghiệp, tập đoàn lớn, quy mô và áp dụng công nghệ cao tại khu công nghiệp Đồng Nai, nhưng việc ứng dụng triển khai các hoạt động này còn ở mức hạn chế, và thường chỉ dừng lại ở các hoạt động ứng dụng nhỏ, lẻ trên phạm vi quy trình của doanh nghiệp.



Hình 4: Hoạt động tăng trưởng xanh kết hợp giữa cải tiến sinh thái và sản xuất bền vững

Nguồn: Nguyễn Anh Tuấn (2021)

Nếu đánh giá mức độ triển khai thì các doanh nghiệp chủ yếu chỉ dừng lại ở mức kiểm soát ô nhiễm hay sản xuất sạch. Các chiến lược cũng như nội dung ứng dụng để thay đổi ở tầm thể chế còn rất ít và chưa được sự ủng hộ và tham gia của các bên liên quan. Ở phạm vi rộng hơn, việc ứng dụng đổi mới sáng tạo tại Việt Nam cũng đã được ghi nhận bởi nhiều tổ chức (chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu 2021 đã ghi nhận Việt Nam dẫn đầu nhóm các quốc gia cùng mức thu nhập, chúng ta xếp hạng 44/132 quốc gia trên thế giới, so với

năm 2019, 2020 là 42)¹². Tuy nhiên, cũng như trước đây, chúng ta cũng còn nhiều hạn chế trong đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Báo cáo NLCT toàn cầu 2019, mặc dù vị trí của VN đã tăng lên 10 bậc so với năm 2018 đạt 61,5 điểm và ở hạng 67/141 quốc gia được xếp hạng, tuy nhiên một số chỉ số quan trọng liên quan đến đổi mới, sáng tạo vẫn ở mặt bằng thấp như năng lực đổi mới sáng tạo đứng vị trí thứ 76, tính năng động kinh doanh ở vị trí 89, kỹ năng lao động đứng vị trí 93, kỹ năng số hóa ở vị trí

Bảng 4: Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam trong so sánh với các quốc gia Đông Nam Á

Quốc gia	Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI)	
	Năm 2010	Năm 2019
Brunei (vị trí)	32	56
Điểm số/giá trị	4,64	62,8
Campuchia (vị trí)	110	106
Điểm số/ giá trị	3,51	52,1
Indonesia (vị trí)	54	50
Điểm số/ giá trị	4,26	64,6
Lào (vị trí)		113
Điểm số/ giá trị		50,1
Malaysia (vị trí)	24	27
Điểm số/ giá trị	4,87	74,6
Myanmar (vị trí)		
Điểm số/ giá trị		
Philippines (vị trí)	87	64
Điểm số/ giá trị	3,9	61,9
Singapore (vị trí)	5,55	84,8
Điểm số/ giá trị	3	1
Thái Lan (vị trí)	36	40
Điểm số/ giá trị	4,56	68,1
Việt Nam (vị trí)	75	67
Điểm số/ giá trị	4,03	61,5

Nguồn: WEF

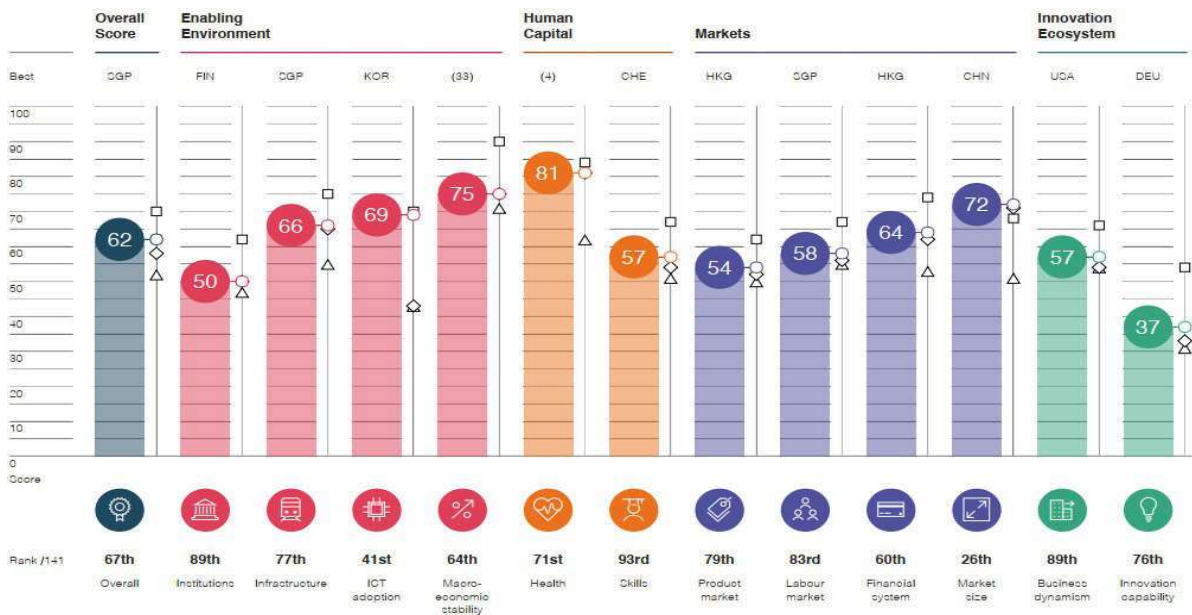
Cùng với đó, chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2019, cũng chỉ ra những hạn chế trong đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Báo cáo NLCT toàn cầu 2019, mặc dù vị trí của VN đã tăng lên 10 bậc so với năm 2018 đạt 61,5 điểm và ở hạng 67/141 quốc

gia được xếp hạng, tuy nhiên một số chỉ số quan trọng liên quan đến đổi mới, sáng tạo vẫn ở mặt bằng thấp như năng lực đổi mới sáng tạo đứng vị trí thứ 76, tính năng động kinh doanh ở vị trí 89, kỹ năng lao động đứng vị trí 93, kỹ năng số hóa ở vị trí

thứ 97, kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp ở vị trí thứ 116, chất lượng đào tạo nghề ở vị trí 102...

Thứ ba, vấn đề tiêu dùng bền vững. Trong thời gian gần đây, rất nhiều chương trình hướng đến tiêu dùng xanh, tiêu dùng bền vững được triển khai và hưởng ứng của nhiều đối tượng, tầng lớp dân cư. Một số nghiên cứu của Nguyễn Trọng Hoài¹³ về hành vi của người dân hướng đến tăng trưởng xanh cũng cho thấy xu hướng chú trọng tiết kiệm nguồn nước, năng lượng, cũng như ý thức bảo vệ môi trường tăng lên. Tuy nhiên có thể vấn đề tiêu dùng xanh vẫn còn là một thách thức lớn bởi

xuất phát từ hành vi tiêu dùng (thích dùng các đồ ăn nhanh), đặc thù về sản phẩm sản xuất (ít các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường) và cả ý thức của người dân. Kết quả đã chỉ ra¹⁴, Việt Nam nằm trong số 20 quốc gia có lượng rác thải lớn nhất và cao hơn mức trung bình của thế giới. Trung bình mỗi năm Việt Nam thải ra 1,8 triệu tấn rác thải nhựa, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt là 25 triệu tấn, nhưng chỉ có 30% được xử lý đốt hoặc sản xuất phân hữu cơ, hơn 70% chôn lấp trực tiếp. Trong đó, chất lượng nhựa và túi nilông chiếm khoảng 8-12%; số lượng rác thải nhựa, túi nilông tăng dần theo từng năm.



Hình 5: Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam 2019

Nguồn: Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu 2019

4.2. Giải pháp triển khai hiệu quả tăng trưởng xanh tại Việt Nam

Rõ ràng, mặc dù quyết tâm chính trị lớn, nhưng việc đảm bảo thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh, hướng đến sự phát triển bền vững trong tương lai của Việt

Nam còn phải đối diện với nhiều thách thức. Trên cơ sở những phân tích và tìm hiểu bài học kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới, để thực hiện tốt tăng trưởng xanh của Việt Nam cần chú trọng các nội dung sau:

Thứ nhất, cần phải xác định quan điểm tăng trưởng xanh do người dân, vì người dân. Chính vì vậy, để thực hiện được thành công việc chuyển đổi, cần có sự tham gia và thay đổi ý thức của các bên liên quan từ Chính phủ, người dân cho đến các doanh nghiệp. Do vậy, cần phải phổ biến nhiều hơn nữa các chủ trương, chính sách của Chính phủ nhằm thực hiện các mục tiêu TTX. Song song với đó, phát động nhiều cuộc thi tìm hiểu, sáng kiến liên quan đến tăng trưởng xanh ở nhiều góc độ: người dân và doanh nghiệp. Với vai trò định hướng, tạo môi trường hoạt động, Chính phủ trước hết cần tạo ra một “sân chơi” bình đẳng trên cơ sở những quy định rõ ràng, chặt chẽ, minh bạch. Lành mạnh hóa các thủ tục hành chính, chính sách liên quan đến kinh doanh, đầu tư. Ngoài ra, với chức năng định hướng, Chính phủ cũng cần có hỗ trợ cần thiết với những doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực cần được khuyến khích, đặc biệt những lĩnh vực liên quan đến tăng trưởng xanh cần có sự định hướng, phát triển: công nghệ mới, thân thiện với môi trường, các ngành năng lượng sạch, thay thế cho năng lượng hóa thạch.

Vai trò điều phối của Chính phủ cần được thể hiện rõ ràng hơn thông qua việc xây dựng các chiến lược phát triển dài hạn hơn (như Hàn Quốc xây dựng chiến lược đến 2050) và cụ thể hóa trong từng giai đoạn với những mục tiêu lồng ghép về tăng trưởng xanh. Đồng thời cần có đơn vị giám sát thực thi và đánh giá trong các giai đoạn để có sự định hướng, điều chỉnh phù hợp. Song song với đó cần điều phối để có sự giao quyền, phân cấp rõ ràng giữa

các cấp quản lý nhằm thực hiện mục tiêu đưa ra.

Thứ hai, việc nâng cao chất lượng nghiên cứu của các tổ chức khoa học cũng như đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao luôn là chủ trương và chính sách hướng đến của Chính phủ. Trong những năm gần đây, Chính phủ luôn cụ thể hóa những chủ trương này bằng những chính sách cụ thể như tự chủ các tổ chức khoa học công nghệ, khuyến khích các trường đại học tự chủ và xây dựng theo định hướng nghiên cứu. Tuy nhiên chủ trương này cũng cần có thời gian chuyển đổi, song song với đó là việc xây dựng nguồn lực đảm bảo cho các trường, tổ chức đó đủ mạnh có thể tự chủ được, chính vì vậy trong khoảng thời gian đầu tiên, Chính phủ vẫn cần có những chính sách hỗ trợ phù hợp, như đầu tư có trọng điểm các tổ chức khoa học trình độ cao, những trung tâm công nghệ cao trong cả nước, mở rộng thu hút nhân tài nghiên cứu ở các nước ngoài, Việt kiều về làm việc tại các trường đại học, viên nghiên cứu... Ngoài ra cũng cần xây dựng cầu nối giữa các doanh nghiệp và các tổ chức khoa học, công nghệ bằng các chương trình như hội chợ giới thiệu các công nghệ mới, phổ biến kiến thức khoa học... Chính phủ cần tiếp tục cải cách thể chế, thực hiện tốt chức năng quản lý vĩ mô: kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá hối đoái, lãi suất góp phần tạo ra môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp tập trung sản xuất, kinh doanh, thực hiện tốt vai trò của mình trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước.

Thứ ba, cùng với việc xác định doanh nghiệp là động lực quan trọng để phát triển kinh tế cần đi đôi với thực hiện các chính

sách hỗ trợ đi kèm. Doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp rất khó khăn trong việc huy động vốn trong sản xuất, tiếp cận những tiến bộ công nghệ mới, do đó Chính phủ bên cạnh việc ban hành những chính sách hỗ trợ cũng cần thể hiện bằng các hoạt động cụ thể, giám sát việc thực thi chính sách để tạo một môi trường bình đẳng cho các doanh nghiệp có thể tiếp cận được nguồn vốn và phổ biến những thông tin về công nghệ mới trên thế giới và định hướng phát triển kinh tế xanh.

Song song với đó, tự bản thân người dân, doanh nghiệp cần thay đổi nhận thức của mình trong bối cảnh mới, hướng đến sự phát triển bền vững của đất nước.

Thứ tư, hiện nay các địa phương, vùng đang triển khai quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng tích hợp và theo Luật Quy hoạch 2017, cần phải quán triệt các quan điểm và lựa chọn dự án đầu tư theo các yêu cầu của TTX và phát triển bền vững. Đó chính là cơ hội cho việc điều chỉnh các dự án đầu tư, không gian phát triển cho từng địa phương và liên vùng gắn với bối cảnh và yêu cầu mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2012), Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 về “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh cho thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến 2050”

2. CIEM (2012), Thay đổi mô hình tăng trưởng, Trung tâm thông tin – tư liệu, Việt Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung Ương, số 6-2012

3. Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Anh Tuấn (2016), Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 07, 04/2016, tr. 12-16.

4. GGI (2015), Kinh nghiệm tăng trưởng xanh của Hàn Quốc: Quá trình, kết quả và bài học rút ra, Viện tăng trưởng xanh toàn cầu

5. Nguyễn Trọng Hoài, (2014a), Các yếu tố tác động đến hành vi tiết kiệm nước của người dân đô thị: Nghiên cứu điển hình TP.HCM, Tạp chí phát triển kinh tế, 9/2014

6. Nguyễn Trọng Hoài, (2014b), Phân tích sử dụng năng lượng của người dân: Nghiên cứu điển hình hành vi tiết kiệm điện tại TP.HCM, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 9/2014

7. Nguyễn Trọng Hoài &ctg (2016), Khung phân tích điều chỉnh hành vi người dân hướng đến tăng trưởng xanh ở các đô thị Việt Nam, NXB Kinh tế TP.HCM

8. Nguyễn Huy Hoàng (2015), Chính sách tăng trưởng xanh ở một số nước Asean trong bối cảnh tái cấu trúc nền kinh tế và ứng phó với biến đổi khí hậu, Nhà xuất bản khoa học xã hội Hà Nội, 2015

9. Nguyễn Văn Luân (2014), Tăng trưởng xanh: mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững, Tạp chí phát triển KH&CN, Tập 17, số Q3-2014.

10. Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (2017), Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên sáng tạo và đổi mới công nghệ, Trung tâm thông tin- tư liệu, 2017

11. Nguyễn Anh Tuấn (2021), Các yếu tố tác động tới hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp tại các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế - Luật;

12. Nasr and Thurston (2006) Remanufacturing: A Key Enabler to Sustainable Product Systems. Rochester Institute of Technology. Rochester. NY – USA; 2006

13. Munasinghe, M.(2009). Sustainable development in practice: Sustainomics methodology and applications. New york: Cambridge University Press

14. OECD and Statistical Office of the European

Communities (Eurostat) (2005), Oslo Manual: Guidelines for Collecting and Interpreting Innovation Data (3rd ed.), OECD, Paris

15. World economic forum (2016), *The Global Competitiveness Report 2015-2016*, World Economic forum.

16. Doing Business 2019, Link truy cập: https://www.doingbusiness.org/content/dam/doingBusiness/media/Annual-Reports/English/DB2019-report_web-version.pdf

17. Nguyễn Quang Thuấn, Nguyễn Xuân Trung (2012), *Kinh tế xanh trong đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam giai đoạn*, Kỷ yếu diễn đàn kinh tế mùa xuân năm 2012, tháng 4/2012 tại Đà , tr 187-202

18. Trần Đình Thiên, Vũ Thành Tụ Anh (2011), *Tái cơ cấu kinh tế để đổi mới mô hình tăng trưởng*, Tạp chí nghiên cứu kinh tế, Số 12(403), 12/2011

19. Nguyễn Thị Tuệ Anh, Hồ Công Hoà (2014), *Cơ*

cấu kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam, Tạp chí kinh tế và dự báo, số 22, tháng 11/2014

20. <https://vtv.vn/chinh-tri/hoi-nghi-cop26-thu-tuong-pham-minh-chinh-co-bai-phat-bieu-quan-trong-2021110202081568.htm>; ngày truy cập 16/12/2021

21. <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/nang-luong-tai-ao-chiem-ty-trong-11-4-trong-6-thang-dau-nam.html> ngày truy cập 16/12/2021

22. <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/20668/chi-so-doi-moi-sang-tao-toan-cau-2021-viet-nam-dan-dau-nhom-cac-quoc-gia-cung-muc-thu-nhap.aspx> ngày truy cập 16/12/2021

23. <https://tuyengiao.vn/khoa-giao/moi-truong/viet-nam-nam-trong-so-20-quoc-gia-co-luong-rac-thai-lon-nhat-va-cao-hon-muc-trung-binh-cua-the-gioi-136175>, ngày truy cập 16/12/2021.